TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **31**/2019/HNGĐ-ST
Ngày 27 - 5 - 2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thị Gấm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Minh Cảnh và bà Trần Thị Mộng Lành

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 140/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1967.

Nơi ĐKHKTT: Ấp Y, xã N Y, huyện A, tỉnh Kiên Giang

Chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Kiên Giang

- **Bị đơn***:* Anh Phan Văn M, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp Y, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

(Chị L có mặt tại phiên tòa, anh M vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án chị Nguyễn Thị Ngọc L trình bày như sau:

Chị L và anh M sống chung với nhau vào năm 2005, hôn nhân tự nguyện, không có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và cũng không có

đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, dẫn đến vợ chồng không hạnh phúc và đã ly thân với nhau từ năm 2009 cho đến nay.

Về quan hệ hôn nhân: Chị L xin được chấm dứt quan hệ hôn nhân với anh M.

Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị L không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Bị đơn anh Phan Văn M có ý kiến như sau:

Anh M thống nhất với lời trình bày của chị L về thời gian chung sống, hai vợ chồng không có tổ chức lễ cưới và không có đăng ký kết hôn, theo yêu cầu của chị L, anh M đồng ý chấm dứt quan hệ hôn nhân.

Về con chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh M không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án gồm: 02 giấy chứng minh nhân dân, 01 sổ hộ khẩu (bản sao); 01 đơn xác nhận chưa đăng ký kết hôn; 01 đơn xác nhận cư trú của anh Mvà bản tự khai.

Qua yêu cầu khởi kiện và ý kiến của các đương sự đã thống nhất với nhau các vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất chấm dứt quan hệ vợ chồng;

Về con chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị L giữ nguyên yêu cầu, ý kiến như đã trình bày trên. Bị đơn anh Mvắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến yêu cầu gì.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa phát biểu:

Về thủ tục tố tung: Từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, HĐXX, Thư ký, các bên đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Chị L và anh M chung sống với nhau vào năm 2005, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của chị L và anh M không được

pháp luật công nhận là vợ chồng. Căn cứ Điều 53 Luật hôn nhân gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ: Không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Các đương sự có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên. Căn cứ Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án xin ly hôn giữa chị L và anh M thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi vụ án được thụ lý, Tòa án đã giao các văn bản tố tụng cho các đương sự, tiến hành lập biên bản công khai chứng cứ và hòa giải, do các đương sự không có đăng ký kết hôn nên Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Anh M vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Mỹ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Phan Văn M đều thống nhất xác nhận là hai anh chị chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và cũng không có đăng ký kết hôn tại theo quy định, trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa thì anh chị đều thống nhất chấm dứt quan hệ hôn nhân. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa anh chị không được pháp luật luật thừa nhận do anh chị không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 Tòa án sẽ quyết định bằng bản án để tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Phan Văn M.

[4] Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh M thống nhất xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 144 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị

quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do chị L là nguyên đơn nên chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Ngọc L có nghĩa vụ nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0001760 ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

[7] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát huyện An Biên tại phiên tòa là có cơ sở chấp nhận nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; các Điều 144, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Phan Văn M.

2. Về con chung: Không có, nên không đề cập xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Phan Văn M thống nhất xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ngọc L có nghĩa vụ nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0001760 ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vậy chị L đã nộp đủ.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, báo cho chị Lbiết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh M vắng mặt tại phiên tòa thì được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- CC-THADS huyện;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Thị Gấm